

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

- Câu 1.** Nam Bộ nước ta có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của
 A. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc, bão, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới.
 B. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, Tín phong bán cầu Bắc, dải hội tụ.
 C. gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.
 D. bão, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới, gió mùa Tây Nam, gió phơn Tây Nam.
- Câu 2.** Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là do vị trí địa lí
 A. giáp vùng biển rộng lớn, giàu tài nguyên.
 B. nằm trên đường di lưu và di cư sinh vật.
 C. gần nơi giao nhau của các vành đai sinh khoáng.
 D. có hoạt động của gió mùa và Tín phong.
- Câu 3.** Xu hướng phát triển công nghiệp xanh ở nước ta thể hiện ở sự phát triển một số ngành như
 A. điện mặt trời, điện rác. B. khai thác cát, thủy điện.
 C. điện từ khí, điện gió. D. khai thác than, địa nhiệt.
- Câu 4.** Tài nguyên rừng ở nước ta có đặc điểm nào sau đây?
 A. Chất lượng rừng phục hồi hoàn toàn. B. Rừng có nhiều sinh vật quý hiếm.
 C. Phần lớn diện tích là rừng giàu. D. Diện tích rừng không thay đổi.
- Câu 5.** Thời tiết của Bắc Bộ vào dịp tết Nguyên đán hàng năm thường chịu ảnh hưởng của
 A. dải hội tụ nhiệt đới, gió mùa hướng Tây Nam. B. gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc.
 C. gió Mậu dịch đông bắc, gió mùa Đông Nam. D. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương, gió phơn.
- Câu 6.** Ý nghĩa của việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở nước ta là
 A. phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo.
 B. tăng cường khai thác tài nguyên, nâng cao thu nhập.
 C. nâng cao vị thế của vùng, tạo thêm nhiều việc làm.
 D. thúc đẩy du lịch quốc tế và giao thông vận tải biển.
- Câu 7.** Lao động của nước ta hiện nay
 A. đều có trình độ cao. B. đều đã qua đào tạo.
 C. làm việc ở nhiều ngành. D. phân bố khá đồng đều.
- Câu 8.** Loại trang trại nào sau đây ở nước ta có số lượng nhiều nhất hiện nay?
 A. Trang trại trồng hoa. B. Trang trại trồng cây ăn quả.
 C. Trang trại chăn nuôi. D. Trang trại nuôi tôm.
- Câu 9.** Toàn vẹn lãnh thổ của nước ta bao gồm
 A. phần đất liền, hải đảo và vùng trời. B. vùng biển, vùng trời và quần đảo.
 C. vùng đất, vùng biển và vùng trời. D. đất liền, vùng biển và các hải đảo.
- Câu 10.** Thiên nhiên phân lãnh thổ phía Nam nước ta khác với phần lãnh thổ phía Bắc chủ yếu do tác động của các nhân tố nào sau đây?
 A. Gió tây nam, vị trí ở gần bán cầu Nam, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh kéo dài.
 B. Vị trí trong vùng nội chí tuyến, gió đông bắc, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới.
 C. Gió đông bắc và tây nam, vị trí gần xích đạo, khoảng cách hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.
 D. Vị trí trong vùng nội chí tuyến, gió Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, gần biển hay xa biển.
- Câu 11.** Sản phẩm nào sau đây thuộc khai thác nhiên liệu?
 A. Apatit. B. Quặng đồng. C. Quặng sắt. D. Dầu mỏ.
- Câu 12.** Loại gió gây mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ và ven biển Bắc Trung Bộ nước ta là
 A. gió mùa Tây Nam. B. gió phơn Tây Nam. C. Tín phong bán cầu Bắc. D. gió mùa Đông Bắc.
- Câu 13.** Thuận lợi chủ yếu của nước ta để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản nước ngọt là
 A. vịnh, bãi triều và rừng ngập mặn. B. sông ngòi dày đặc và nhiều ao hồ.
 C. nhiều cửa sông rộng và gần nhau. D. nhiều bãi triều rộng và đầm phá.
- Câu 14.** Các đô thị ở nước ta là động lực phát triển kinh tế của cả nước chủ yếu do
 A. thị trường rộng, mức sống rất cao, công nghiệp phát triển, tạo nhiều việc làm.

B. hạ tầng tốt, thị trường rộng, sức hút đầu tư lớn, lao động có chất lượng cao.

C. quy mô dân số lớn, trình độ lao động cao, hạ tầng tốt, dân cư phân bố đều.

D. có sức hút đầu tư lớn, thị trường đa dạng, nhu cầu đa dạng, lịch sử lâu đời.

Câu 15. Chăn nuôi bò sữa được phát triển khá mạnh ở ven các thành phố lớn chủ yếu là do

A. kĩ thuật phục vụ chăn nuôi hiện đại.

B. nhu cầu của thị trường lớn.

C. điều kiện chăm sóc thuận lợi.

D. truyền thống chăn nuôi.

Câu 16. Vùng nào trong các vùng sau đây có số lượng khu công nghiệp nhiều nhất?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Trung du và miền núi phía Bắc.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 17. Tác động chủ yếu của gió Đông Bắc đến khí hậu nước ta là

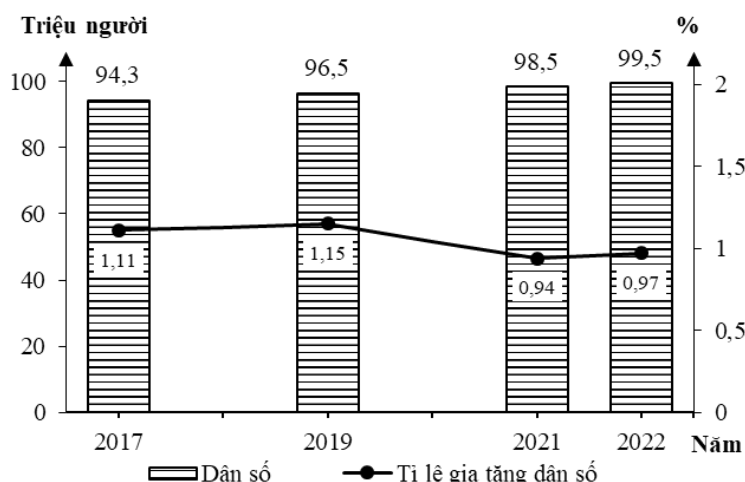
A. làm tính nhịp điệu mùa của khí hậu rõ nét hơn, có một mùa đông lạnh, khô và ít mưa.

B. có sự khác biệt về lượng mưa, độ ẩm, nhiệt độ theo bắc - nam và tăng tính ổn định.

C. tạo nên sự phân hóa về lượng mưa, chế độ nhiệt, ẩm và tính thất thường của khí hậu.

D. tạo nên sự phân hoá và gia tăng nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu.

Câu 18. Cho biểu đồ:



Biểu đồ số dân và tỉ lệ gia tăng dân số nước ta, giai đoạn 2017 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023) Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Tỉ lệ gia tăng dân số giảm trên 0,15% trong giai đoạn 2017 - 2022.

B. Tỉ lệ gia tăng dân số tăng không liên tục, số dân tăng liên tục.

C. Số dân tăng liên tục, tỉ lệ gia tăng dân số giảm không liên tục.

D. Số dân giảm trên 5 triệu người trong giai đoạn 2017 - 2022.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai**

Câu 1. Cho thông tin sau:

Nước ta có tiềm năng lớn để phát triển ngành thủy sản. Vùng biển rộng, nguồn lợi thủy sản phong phú, có nhiều ngư trường trọng điểm. Dọc bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông, bãi triều và rừng ngập mặn. Trên đất liền có nhiều sông ngòi, kênh rạch, ao hồ và các ô trũng ở vùng đồng bằng.

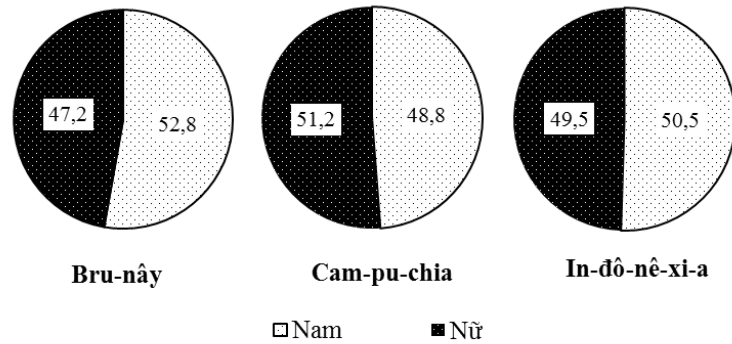
a) Đối tượng nuôi trồng thủy sản nước ta đa dạng chủ yếu do có vùng biển rộng, nguồn lợi đa dạng.

b) Nước ta có diện tích mặt nước lớn để phát triển nuôi trồng thủy sản.

c) Hoạt động khai thác thủy sản nước ta phát triển do có nguồn lợi phong phú, nhiều ngư trường trọng điểm.

d) Vùng biển ven bờ có nhiều điều kiện thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Câu 2. Cho biểu đồ:



Cơ cấu dân số theo giới tính của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2022 (Đơn vị: %)

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2023, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Tỷ lệ giới Nam của Cam-pu-chia cao hơn Bru-nây và thấp hơn In-đô-nê-xi-a.
- b) Tỷ lệ giới Nữ của Cam-pu-chia cao hơn In-đô-nê-xi-a và cao hơn Bru-nây.
- c) Tỷ lệ giới Nữ của In-đô-nê-xi-a cao hơn Bru-nây và thấp hơn Cam-pu-chia.
- d) Bru-nây có tỷ lệ giới Nam cao nhất trong 3 quốc gia trên.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Nước ta có nguồn năng lượng phong phú để sản xuất điện. Trong những năm gần đây, nước ta đã chú trọng phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, mặt trời, sinh khối...). Tuy nhiên, tỉ trọng của năng lượng điện tái tạo ở nước ta vẫn còn nhỏ so với các nguồn năng lượng khác trong cơ cấu điện quốc gia.

- a) Xu hướng của ngành điện nước ta là tiếp tục tăng mạnh tỉ trọng nhiệt điện than do thân thiện với môi trường.
- b) Khả năng tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo vào mạng lưới điện quốc gia vẫn còn những khó khăn.
- c) Mặc dù giá thành của các công nghệ năng lượng tái tạo đang giảm dần, nhưng chi phí đầu tư ban đầu vẫn cao hơn so với các nguồn năng lượng truyền thống.
- d) Nguồn năng lượng hóa thạch thân thiện với môi trường hơn so với năng lượng tái tạo.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Dải hội tụ nội chí tuyến là một khu vực thời tiết xấu giữa hai luồng gió của hai bán cầu hội tụ lại tạo nên luồng thẳng, hoặc giữa hai luồng gió Mậu dịch nam và bắc bán cầu. Miền hội tụ rộng từ 80 - 600 km. Nếu góc hội tụ giữa hai luồng gió lớn và gió hai bên thổi mạnh thì dải hội tụ sẽ hoạt động mạnh và gây mưa lớn. Dải hội tụ nhiệt đới ở nước ta được hình thành vào mùa hạ, giữa gió mùa mùa hạ và Tín phong bán cầu Bắc.

- a) Giữa và cuối mùa hạ, gió mùa Tây Nam từ áp cao cận chí tuyến Nam bán cầu mạnh lên nên không có dải hội tụ nhiệt đới ở khu vực nước ta.
- b) Gió Tây Nam (Tbg) mạnh hơn và đẩy Tín phong bán cầu Bắc về phía tây, dải hội tụ ít ảnh hưởng đất liền ở miền Bắc Việt Nam.
- c) Dải hội tụ nhiệt đới đầu mùa hạ là nguyên nhân gây mưa ở Nam Bộ và mưa tiểu mãn (cuối tháng 5, đầu tháng 6) ở Trung Bộ nước ta.
- d) Đầu mùa hạ, Gió Tây Nam từ cao áp Bắc Ấn Độ Dương (Tbg) đến gặp Tín phong bán cầu Bắc tạo nên dải hội tụ nhiệt đới, chạy theo hướng kinh tuyến.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng), năm 2022

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, Nxb Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ năm tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022 là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Năm 2022, tổng diện tích lúa đông xuân nước ta là 2 992,3 nghìn ha với sản lượng đạt 19 976 nghìn tấn. Hãy cho biết năng suất lúa đông xuân nước ta năm 2022 đạt bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3. Năm 2023, qui mô GDP của nước ta đạt 430 tỉ USD, số dân của nước ta năm này là 100,3 triệu người. Hãy cho biết GDP bình quân đầu người của nước ta năm 2023 là bao nhiêu USD/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Năm 2022, tổng diện tích đất sử dụng của nước ta là 33 134,6 nghìn ha, trong đó diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp là 11 620,5 nghìn ha. Hãy cho biết năm 2022, diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp của nước ta chiếm bao nhiêu % so với tổng diện tích đất sử dụng? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Năm 2022, số dân Nam của nước ta là 49,6 triệu người, số dân Nữ là 49,9 triệu người. Hãy cho biết số dân Nam chiếm bao nhiêu % trong tổng số dân nước ta? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích cây lâu năm của nước ta phân theo nhóm cây, giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2022
Cây lâu năm	2 010,5	2 154,5	2 185,8	2 193,0
Cây ăn quả	779,7	824,4	1 135,2	1 221,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, Nxb Thống kê, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2010 - 2022 của cây ăn quả cao hơn cây lâu năm bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

A. C	B. C	C. A	D. B	5. B	6. A	7. C	8. C	9. C	10. C
11. D	12. D	13. B	14. B	15. B	16. D	17. C	18. C		

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Nam Bộ nước ta có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

A, B, D sai vì:

+ Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân gây hiện tượng khô cho Nam Bộ.

+ Nam Bộ ít chịu ảnh hưởng của bão, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới nên đây không phải là nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ ở đây.

+ Gió phơn Tây Nam gây khô, nóng cho phía nam khu vực Tây Bắc và ven biển Trung Bộ do bị biến tính khi vượt qua dãy Trường Sơn.

Đáp án: C

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ý nghĩa của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

Cách giải:

Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là do vị trí địa lí gần nơi giao nhau của các vành đai sinh khoáng.

Việt Nam nằm ở vị trí tiếp giáp giữa hai vành đai sinh khoáng lớn của thế giới là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải. Đây là những khu vực có hoạt động kiến tạo, magma diễn ra mãnh liệt, tạo điều kiện cho việc hình thành các loại khoáng sản.

Đáp án: C

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Công nghiệp xanh là nền sản xuất nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm tài nguyên và xử lý chất thải hiệu quả.

+ Xu hướng phát triển công nghiệp xanh ở nước ta thể hiện ở sự phát triển một số ngành như điện mặt trời, điện rác do đây là các nguồn năng lượng tái tạo.

Đáp án: A

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên (phần tài nguyên rừng).

Cách giải:

Tài nguyên rừng ở nước ta có đặc điểm rừng có nhiều sinh vật quý hiếm.

A, C, D sai vì chất lượng rừng nước ta hiện nay đang được phục hồi (không phải là được phục hồi hoàn toàn), phần lớn diện tích là rừng nghèo, diện tích rừng liên tục thay đổi theo thời gian.

Đáp án: B

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

+ Xác định thời gian dịp tết Nguyên đán ở nước ta.

+ Dựa vào nội dung biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Thời tiết của Bắc Bộ vào dịp tết Nguyên đán hàng năm thường chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc. Tết Nguyên đán thường rơi vào khoảng cuối tháng 1 đến giữa tháng 2 dương lịch, đây là thời điểm chính đông và bắt đầu chuyển sang xuân ở miền Bắc, chịu tác động của các hệ thống gió sau:

+ Gió mùa Đông Bắc (Gió mùa mùa đông):

+ Đây là nhân tố quan trọng nhất. Vào dịp Tết, các đợt không khí lạnh từ áp cao Xibia liên tục tràn xuống, tuy nhiên các đợt không khí lạnh thổi không liên tục.

+ Đặc điểm: Gây ra trạng thái trời rét (rét đậm, rét hại). Nửa sau mùa đông, do thổi qua biển, gió này thường mang theo hơi ẩm, tạo ra kiểu thời tiết đặc trưng của những ngày Tết ở miền Bắc là mưa phùn và trời nồm ẩm.

+ Tín phong bán cầu Bắc (Gió Mậu dịch):

+ Tín phong bán cầu Bắc luôn hoạt động quanh năm ở vùng nội chí tuyến. Tuy nhiên, vào mùa đông, khi gió mùa Đông Bắc hoạt động theo từng đợt, Tín phong bị lấn át nhưng vẫn tồn tại xen kẽ.

+ Sự tương tác giữa các khối khí này tạo nên những khoảng thời gian tạnh ráo, nhiệt độ tăng lên, gây biến đổi thời tiết phức tạp.

Đáp án: B

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành thủy sản nước ta và liên hệ đặc điểm thủy sản ở ngoài khơi xa.

Cách giải:

Ý nghĩa của việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở nước ta là phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo.

+ Về mặt kinh tế:

+ Khai thác hiệu quả nguồn lợi: Nguồn lợi hải sản ở vùng ven bờ hiện nay đã bị khai thác quá mức và đang cạn kiệt. Đánh bắt xa bờ giúp tiếp cận các đàn cá nổi, cá đáy có giá trị kinh tế cao, giúp tăng sản lượng và chất lượng hải sản.

+ Tăng thu nhập: Các loài hải sản xa bờ thường có kích cỡ lớn, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, từ đó mang lại nguồn ngoại tệ và nâng cao đời sống cho ngư dân.

+ Giảm áp lực ven bờ: Giúp hệ sinh thái ven biển có thời gian phục hồi và phát triển bền vững.

+ Về mặt an ninh - quốc phòng:

+ Khẳng định chủ quyền: Mỗi con tàu đánh bắt xa bờ được ví như một "cột mốc sống" trên biển. Sự hiện diện thường xuyên của ngư dân trên các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam là bằng chứng thực tế quan trọng nhất để khẳng định và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

+ Giám sát biên đảo: Ngư dân kịp thời phát hiện và thông báo cho các lực lượng chức năng về những hoạt động bất thường của tàu thuyền nước ngoài, góp phần giữ vững an ninh trật tự trên biển.

Đáp án: A

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung đặc điểm nguồn lao động nước ta.

Cách giải:

Lao động của nước ta hiện nay làm việc ở nhiều ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp và xây dựng; dịch vụ.

Đáp án: C

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung trang trại nước ta.

Cách giải:

Trang trại chăn nuôi có số lượng nhiều nhất hiện nay (năm 2021, trang trại chăn nuôi chiếm tới 57,8% trong cơ cấu trang trại phân theo hoạt động ở nước ta).

Đáp án: C

Câu 9 (NB):

Dựa vào nội dung vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.

Cách giải:

Toàn vẹn lãnh thổ của nước ta bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.

Đáp án: C

Câu 10 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên kết hợp với đặc điểm các loại gió.

Cách giải:

Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam nước ta khác với phần lãnh thổ phía Bắc chủ yếu do tác động của các nhân tố: gió đông bắc và tây nam, vị trí gần xích đạo, khoảng cách hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

+ Vị trí gần xích đạo:

Phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào) nằm ở vĩ độ thấp hơn, gần xích đạo hơn nên nhận được tổng bức xạ mặt trời lớn hơn, góc nhập xạ quanh năm lớn, làm cho nền nhiệt độ cao và ổn định, mang tính chất cận xích đạo.

+ Khoảng cách hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh: do nằm gần xích đạo, khoảng cách giữa hai lần Mặt Trời đi qua thiên đỉnh tại phía Nam xa nhau hơn so với phía Bắc. Điều này giúp miền Nam duy trì được nền nhiệt cao trong thời gian dài hơn và tạo ra sự phân hóa mùa mưa - khô rõ rệt thay vì mùa nóng - lạnh.

+ Gió đông bắc và gió tây nam:

+ Gió đông bắc: Khi thổi xuống phía Nam, khối khí này đã bị dãy Bạch Mã chặn lại và biến tính (trở nên ẩm hơn), khiến miền Nam không chịu ảnh hưởng của cái rét như miền Bắc. Lúc này, Tín phong bán cầu Bắc (hướng Đông Bắc) chiếm ưu thế gây mùa khô.

+ Gió tây nam: Là nhân tố chính gây mưa lớn cho Nam Bộ và cao nguyên Trung Bộ vào mùa hạ, làm cho thiên nhiên ở đây có hai mùa mưa và khô đối lập sâu sắc.

Đáp án: C

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành công nghiệp khai thác than, dầu và khí tự nhiên.

Cách giải:

Dầu mỏ là sản phẩm thuộc khai thác nhiên liệu.

Đáp án: D

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Loại gió gây mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ và ven biển Bắc Trung Bộ nước ta là gió mùa Đông Bắc (gây mưa vào nửa sau mùa đông).

A sai vì gió mùa Tây Nam gây mưa lớn cho Nam Bộ và cao nguyên Trung Bộ vào mùa hạ.

B sai vì gió phơn Tây Nam gây hiệu ứng khô, nóng cho ven biển Trung Bộ và phía nam khu vực Tây Bắc vào đầu mùa hạ.

C sai vì Tín phong bán cầu Bắc gây khô, nóng cho đồng bằng Bắc Bộ và ven biển Bắc Trung Bộ.

Đáp án: D

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành thủy sản (phần thế mạnh và hạn chế).

Cách giải:

Thuận lợi chủ yếu của nước ta để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản nước ngọt là sông ngòi dày đặc và nhiều ao hồ.

A, C, D sai vì đó là các điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước lợ. **Đáp án: B**

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung đặc điểm đô thị, liên hệ với các đô thị lớn của nước ta hiện nay.

Cách giải:

Các đô thị ở nước ta là động lực phát triển kinh tế của cả nước chủ yếu do hạ tầng tốt, thị trường rộng, sức hút đầu tư lớn, lao động có chất lượng cao.

+ Hạ tầng tốt: Các đô thị lớn (Hà Nội, TP. HCM, Đà Nẵng, Hải Phòng...) sở hữu hệ thống giao thông, điện, nước, viễn thông và các khu công nghiệp đồng bộ nhất. Đây là nền tảng cốt yếu để vận hành nền kinh tế hiện đại.

+ Sức hút đầu tư lớn: Nhờ hạ tầng và chính sách ưu đãi, các đô thị là điểm đến ưu tiên của các dòng vốn FDI (vốn đầu tư nước ngoài) và vốn đầu tư trong nước, tạo ra sự bùng nổ về sản xuất và dịch vụ.

+ Lao động có chất lượng cao: Đô thị là nơi tập trung các trường đại học, viện nghiên cứu và là nơi thu hút nhân tài. Đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao tại đây giúp tăng năng suất lao động và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

+ Thị trường rộng lớn: Mật độ dân số cao cùng mức thu nhập khá tạo ra nhu cầu tiêu dùng lớn và đa dạng, kích thích các ngành sản xuất và dịch vụ phát triển theo.

Đáp án: B

Câu 15 (TH):

Dựa vào nội dung sự phát triển và phân bố nông nghiệp (phần ngành chăn nuôi).

Cách giải:

Chăn nuôi bò sữa được phát triển khá mạnh ở ven các thành phố lớn chủ yếu là do nhu cầu của thị trường lớn. Các thành phố lớn (như Hà Nội, TP. HCM, Đà Nẵng) là nơi tập trung dân cư đông đúc, mức sống cao. Nhu cầu về sữa tươi và các sản phẩm từ sữa (sữa chua, bơ, phô mai) tại đây rất lớn. Bên cạnh đó, ngành chăn nuôi chịu ảnh hưởng rất lớn bởi yếu tố thị trường tiêu thụ.

Đáp án: B

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung khu công nghiệp.

Cách giải:

Ở nước ta, khu công nghiệp tập trung nhiều nhất ở hai vùng: Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

Đáp án: D

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Tác động chủ yếu của gió Đông Bắc đến khí hậu nước ta là tạo nên sự phân hóa về lượng mưa, chế độ nhiệt, ẩm và tính thất thường của khí hậu. Gió Đông Bắc xuất phát ở áp cao Xi-bia và tràn xuống lãnh thổ nước ta có đặc điểm:

+ Nửa đầu mùa đông: Khối khí lạnh từ áp cao Xi-bia thổi qua lục địa Trung Hoa vào nước ta nên có tính chất lạnh và khô.

+ Nửa sau mùa đông: Khối khí này lệch ra biển, mang theo hơi ẩm gây ra hiện tượng mưa phùn ở vùng ven biển và đồng bằng Bắc Bộ, nhưng nhìn chung tổng lượng mưa vẫn rất thấp so với mùa hè.

Đáp án: C

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ và nhận xét về sự thay đổi dân số, tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta giai đoạn 2017 - 2022. **Cách giải:**

Dựa vào biểu đồ, ta có thể thấy:

+ Dân số tăng liên tục từ 94,3 triệu người lên 99,5 triệu người.

+ Tỉ lệ gia tăng dân số giảm không liên tục (giai đoạn 2017 - 2019 và giai đoạn 2021 - 2022 tăng; giai đoạn 2019 - 2021 giảm).

+ Số dân tăng liên tục, tỉ lệ gia tăng dân số giảm không liên tục là nhận xét đúng.

Đáp án: C

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai**

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SĐĐS	SĐĐĐ	SĐĐS	SSĐĐ

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành thủy sản (phần thể mạnh và hạn chế).

Cách giải:

A. Sai. "Vùng biển rộng và nguồn lợi đa dạng" là điều kiện thuận lợi cho ngành khai thác. Còn đối tượng nuôi trồng đa dạng (bao gồm tôm, cá, nhuyễn thể, rong biển...) chủ yếu là do nước ta có nhiều loại mặt nước khác nhau (nước ngọt, nước lợ, nước mặn) kết hợp với khí hậu nhiệt đới cho phép nhiều loài sinh trưởng nhanh quanh năm.

B. Đúng. Đoạn thông tin liệt kê rất nhiều dạng mặt nước: vũng vịnh, đầm phá, cửa sông (thuận lợi nuôi trồng thủy sản nước lợ/mặn) và sông ngòi, kênh rạch, ao hồ, ô trũng (thuận lợi nuôi trồng thủy sản nước ngọt). Tổng diện tích các loại mặt nước này tạo nên một quỹ đất và nước lớn cho ngành nuôi trồng thủy sản.

C. Đúng. Nước ta có 4 ngư trường trọng điểm, đây là nơi tập trung các đàn cá, giúp tăng hiệu quả cho các đội tàu đánh bắt.

D. Sai. Vùng biển ven bờ (vịnh, đầm phá, bãi triều) là môi trường nước mặn hoặc nước lợ. Đây là nơi thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước mặn. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt phải diễn ra ở sông ngòi, ao hồ hoặc các ô trũng trên đất liền.

Đáp án: S, Đ, Đ, S

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ và xác định:

+ Tỉ lệ giới Nam, tỉ lệ giới Nữ của Cam-pu-chia.

+ Tỉ lệ giới Nam, tỉ lệ giới Nữ của Bru-nây.

+ Tỉ lệ giới Nam, tỉ lệ giới Nữ của In-đô-nê-xi-a.

Từ đó, rút ra nhận xét.

Cách giải:

a) Sai.

+ Tỉ lệ giới Nam của Cam-pu-chia là 48,8%

+ Tỉ lệ giới Nam của Bru-nây là 52,8%

+ Tỉ lệ giới Nam của In-đô-nê-xi-a là 50,5%

+ Tỉ lệ giới Nam của Cam-pu-chia thấp hơn Bru-nây và thấp hơn In-đô-nê-xi-a.

b, c) Đúng.

+ Tỉ lệ giới Nữ của Bru-nây là 47,2%

+ Tỉ lệ giới Nữ của Cam-pu-chia là 51,2%

+ Tỉ lệ giới Nữ của In-đô-nê-xi-a là 49,5%

- + Tỷ lệ giới Nữ của Cam-pu-chia cao hơn In-đô-nê-xi-a và cao hơn Bru-nây.
- + Tỷ lệ giới Nữ của In-đô-nê-xi-a cao hơn Bru-nây và thấp hơn Cam-pu-chia.

d) Đúng. Dựa vào phần giải thích ý a.

Đáp án: S, Đ, Đ, Đ

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

A. Sai. Nhiệt điện than không thân thiện với môi trường vì phát thải lượng lớn khí CO₂ và bụi mịn. Xu hướng của ngành điện nước ta là tiếp tục tăng mạnh tỉ năng lượng tái tạo do thân thiện với môi trường.

B. Đúng. Đây là một trong những thách thức lớn nhất hiện nay. Năng lượng tái tạo (gió, mặt trời) có tính bất định cao (phụ thuộc thời tiết, thời gian trong ngày). Hệ thống lưới điện truyền tải hiện tại đôi khi chưa đáp ứng kịp tốc độ phát triển của các dự án này, dẫn đến hiện tượng quá tải cục bộ hoặc phải cắt giảm công suất.

C. Đúng. Mặc dù chi phí vận hành thấp (vì nắng và gió là miễn phí), nhưng chi phí để mua sắm thiết bị (tấm pin, tuabin gió), xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hệ thống lưu trữ năng lượng (pin lưu trữ) vẫn đòi hỏi nguồn vốn đầu tư ban đầu rất lớn so với việc xây dựng các nhà máy nhiệt điện hay thủy điện truyền thống.

D. Sai. Năng lượng hóa thạch (than đá, dầu mỏ) là tác nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm môi trường. Ngược lại, năng lượng tái tạo (gió, mặt trời) được coi là năng lượng sạch vì không phát thải khí nhà kính trong quá trình vận hành.

Đáp án: S, Đ, Đ, S

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

A. Sai. giữa và cuối mùa hạ là thời điểm dải hội tụ nhiệt đới hoạt động mạnh nhất tại nước ta. Lúc này, gió mùa Tây Nam từ bán cầu Nam thổi mạnh, vượt xích đạo và hội tụ với Tín phong bán cầu Bắc ngay trên lãnh thổ Việt Nam.

B. Sai. dải hội tụ hình thành do sự tiếp xúc giữa khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương (TBg) và Tín phong bán cầu Bắc. Dải hội tụ này thường có ảnh hưởng rất lớn đến đất liền, đặc biệt là gây mưa cho khu vực Nam Bộ, cao nguyên Trung Bộ và dải Trung Bộ.

C. Đúng. Sự tranh chấp giữa gió Tây Nam (TBg) và Tín phong bán cầu Bắc tạo nên dải hội tụ. Tại Trung Bộ, khi dải hội tụ này hoạt động kết hợp với các nhiễu động khí quyển khác thường gây ra những đợt mưa vào cuối tháng 5, đầu tháng 6, giúp giải nhiệt và cung cấp nước sau đợt khô hạn, dân gian gọi là mưa tiểu mãn.

D. Đúng. Gió Tây Nam từ cao áp Bắc Ấn Độ Dương (TBg) đến gặp Tín phong bán cầu Bắc tạo nên dải hội tụ nhiệt đới, chạy theo hướng vĩ tuyến, di chuyển chậm dần từ bắc vào nam.

Đáp án: S, S, Đ, Đ

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	16,1	66,8	4287	35,1	49,8	47,6

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Biên độ nhiệt = Nhiệt độ tháng cao nhất - Nhiệt độ tháng thấp nhất **Cách giải:**

Biên độ nhiệt độ năm tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022 là: 31,4 - 15,3 = 16,1oC

Đáp án: 16,1

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

Đổi 19 976 nghìn tấn = 199 760 nghìn tạ

Năng suất lúa đông xuân nước ta năm 2022 đạt:

$$199\,760/2\,992,3 = 66,8 \text{ tạ/ha}$$

Đáp án: 66,8

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{GDP bình quân đầu người} = \text{Tổng giá trị GDP/Số dân}$$

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

$$\text{Đổi } 430 \text{ tỉ USD} = 430\,000 \text{ triệu USD}$$

GDP bình quân đầu người của nước ta năm 2023 là:

$$430\,000/100,3 = 4\,287 \text{ USD/người}$$

Đáp án: 4287

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần/Tổng giá trị}) * 100$$

Cách giải:

Năm 2022, diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp của nước ta chiếm:

$$(11\,620,5/33\,134,6) * 100 = 35,1\%$$

Đáp án: 35,1

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần/Tổng giá trị}) * 100$$

Cách giải:

Số dân Nam chiếm:

$$[49,6/(49,6 + 49,9)] * 100 = 49,8\%$$

Đáp án: 49,8

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tốc độ tăng trưởng} = (\text{Giá trị năm cuối/Giá trị năm gốc}) * 100$$

Cách giải:

Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2010 - 2022 của cây ăn quả cao hơn cây lâu năm: $[(1\,221,4/779,7) * 100] -$

$$[(2\,193,0/2\,010,5) * 100] = 47,6\%$$

Đáp án: 47,6